

Số: 01 /QĐ-TTTH

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh đủ điều kiện cấp chứng chỉ
Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 25/12/2022

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TIN HỌC

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-ĐHSP ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 25/12/2022;

Căn cứ kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 25/12/2022;


Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHSP ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 25/12/2022;

Theo đề nghị của Hội đồng thi kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 25/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 240 (Hai trăm bốn mươi) thí sinh đủ điều kiện cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 25/12/2022 tại Trung tâm tin học Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- Lưu: TTTH.

**GIÁM ĐỐC**

TS. Đặng Hùng Vĩ

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN KHÓA THI NGÀY 25/12/2022
TẠI TRUNG TÂM TIN HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHQĐ**

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-TTTH ngày 03 tháng 01 năm 2023
của Giám đốc Trung tâm Tin học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
1	CH0001	Alăng Thị Aly	17/8/2002	Quảng Nam	7,00	9,50	Đạt
2	CH0002	Cao Ngọc Khánh An	26/7/2002	Đà Nẵng	6,00	9,00	Đạt
3	CH0003	Lê Phạm Trung Anh	05/3/2001	Quảng Nam	6,67	9,50	Đạt
4	CH0004	Trần Văn Nhật Anh	12/7/2001	Quảng Nam	9,33	9,50	Đạt
5	CH0005	Nguyễn Tăng Minh Anh	24/6/1996	Khánh Hòa	7,33	8,50	Đạt
6	CH0006	Nguyễn Kiều Anh	14/02/2002	Đà Nẵng	7,00	9,50	Đạt
7	CH0007	Nguyễn Thị Anh	27/8/2001	Hà Tĩnh	8,00	6,00	Đạt
8	CH0008	Nguyễn Thị Hà Anh	21/4/2001	Thừa Thiên - Huế	6,33	6,50	Đạt
9	CH0009	Nguyễn Ngọc Ánh	01/7/2002	Hà Tĩnh	6,33	5,00	Đạt
10	CH0010	Trần Hoài Ân	23/9/2000	Quảng Bình	9,00	9,00	Đạt
11	CH0011	Tôn Nữ Gia Bảo	30/10/2002	Thừa Thiên - Huế	6,67	8,00	Đạt
12	CH0012	Trần Văn Khánh Bảo	10/9/2000	Quảng Trị	8,00	9,00	Đạt
13	CH0013	Trần Huỳnh Thị Thương Bé	16/7/2003	Quảng Ngãi	6,67	6,00	Đạt
14	CH0014	Huỳnh Thị Nhật Bình	02/5/1998	Thừa Thiên - Huế	8,67	9,00	Đạt
15	CH0015	Bùi Thị Thanh Bình	10/6/2003	Quảng Nam	9,33	9,50	Đạt
16	CH0016	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/6/2002	Quảng Nam	6,00	8,50	Đạt
17	CH0017	Ngô Thị Kiều Chinh	10/9/2001	Gia Lai	8,00	8,50	Đạt
18	CH0018	Zorâm Chương	01/7/2001	Quảng Nam	9,33	9,50	Đạt
19	CH0019	Bling Thị Cước	20/6/2000	Quảng Nam	6,33	8,00	Đạt
20	CH0020	Phùng Thị Kim Cương	20/11/2002	Quảng Nam	6,67	5,00	Đạt
21	CH0022	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/02/2002	Quảng Nam	7,33	9,00	Đạt
22	CH0023	Văn Thị Thùy Dung	07/5/2003	Đà Nẵng	7,00	9,00	Đạt
23	CH0024	Hồ Thị Thùy Dung	02/10/2001	Đắk Lắk	7,00	8,50	Đạt
24	CH0025	Trương Anh Duy	19/12/2000	Quảng Trị	8,33	9,50	Đạt
25	CH0026	Lê Thị Mỹ Duyên	11/5/2001	Đà Nẵng	5,33	5,00	Đạt
26	CH0027	Mai Kỳ Duyên	13/11/2001	Quảng Nam	9,00	8,50	Đạt
27	CH0028	Phan Thị Mỹ Duyên	30/9/2001	Quảng Nam	6,33	9,00	Đạt
28	CH0029	Lê Thị Mỹ Duyên	21/10/2000	Đắk Lắk	8,67	7,00	Đạt
29	CH0030	Trần Lê Nhật Đan	05/9/2001	Gia Lai	7,67	10,00	Đạt
30	CH0031	Hà Thị Bích Đào	25/8/2001	Ninh Bình	5,33	9,50	Đạt
31	CH0032	Võ Việt Đông	08/8/1991	Quảng Bình	5,00	7,50	Đạt



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
32	CH0033	Phạm Thị Ngọc Gắm	13/11/1995	Bình Định	6,00	9,50	Đạt
33	CH0034	Võ Ngân Hà	24/01/2002	Quảng Ngãi	6,67	10,00	Đạt
34	CH0035	Nguyễn Thị Hà	24/8/2002	Quảng Ngãi	5,00	8,00	Đạt
35	CH0036	Nguyễn Thị Thanh Hà	26/02/2001	Đắk Lắk	7,33	10,00	Đạt
36	CH0037	Lê Đặng Trúc Hà	03/7/2001	Kon Tum	6,67	9,00	Đạt
37	CH0039	Nguyễn Thị Việt Hải	05/5/2000	Đà Nẵng	7,67	10,00	Đạt
38	CH0041	Trần Thị Mỹ Hạnh	18/11/2002	Quảng Nam	10,00	10,00	Đạt
39	CH0042	Bùi Thị Hạnh	13/4/2002	Quảng Nam	6,67	9,50	Đạt
40	CH0043	Phạm Thị Như Hạnh	14/02/2003	Quảng Nam	7,33	9,50	Đạt
41	CH0044	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02/9/2001	Quảng Nam	8,67	10,00	Đạt
42	CH0045	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/01/2002	Quảng Nam	5,00	10,00	Đạt
43	CH0046	Nguyễn Thị Xuân Hằng	24/01/2001	Thái Bình	6,67	9,50	Đạt
44	CH0047	Trần Thị Thúy Hằng	28/01/2001	Hà Tĩnh	6,67	10,00	Đạt
45	CH0048	Phạm Thị Thu Hằng	10/3/2002	Hà Tĩnh	9,00	10,00	Đạt
46	CH0049	Võ Thị Thu Hằng	12/02/2002	Ninh Thuận	7,67	9,00	Đạt
47	CH0050	Lê Vũ Minh Hằng	22/12/1987	Quảng Nam	7,67	10,00	Đạt
48	CH0051	Võ Thị Hằng	15/10/2001	Quảng Nam	6,33	9,00	Đạt
49	CH0052	Lê Thị Hằng	19/7/2001	Thanh Hóa	9,00	10,00	Đạt
50	CH0053	Võ Vũ Ngọc Hân	27/7/2001	Quảng Ngãi	5,67	10,00	Đạt
51	CH0054	Ngô Thị Diệu Hân	01/01/2000	Quảng Nam	9,00	10,00	Đạt
52	CH0055	Nguyễn Văn Hân	06/02/2001	Đà Nẵng	10,00	10,00	Đạt
53	CH0056	Nghiêm Thị Thu Hậu	16/11/2001	Đà Nẵng	6,33	10,00	Đạt
54	CH0057	Nguyễn Thị Minh Hậu	27/5/2002	Đà Nẵng	7,00	10,00	Đạt
55	CH0058	Nguyễn Thị Hiền	11/3/2002	Gia Lai	6,33	10,00	Đạt
56	CH0059	Nguyễn Thị Hiền	22/4/2003	Nghệ An	7,33	9,50	Đạt
57	CH0060	Mai Thị Hiền	30/3/2002	Gia Lai	9,67	10,00	Đạt
58	CH0061	Đỗ Thị Thanh Hiền	13/12/2002	Đà Nẵng	6,00	8,00	Đạt
59	CH0064	Nguyễn Thị Kim Hoa	13/8/2002	Quảng Nam	6,00	5,50	Đạt
60	CH0065	Nguyễn Thị Hòa	25/02/2001	Quảng Ngãi	6,33	8,00	Đạt
61	CH0066	Đinh Văn Hội	10/10/1996	Quảng Nam	6,33	5,00	Đạt
62	CH0067	Trịnh Ngọc Huy	02/01/2001	Quảng Nam	8,67	10,00	Đạt
63	CH0068	Vũ Phan Huy	14/9/2001	Gia Lai	8,33	10,00	Đạt
64	CH0069	Nguyễn Đức Huy	19/4/2000	Quảng Nam	8,67	10,00	Đạt
65	CH0070	Trịnh Thị Lệ Huyền	08/10/2002	Lâm Đồng	8,00	9,50	Đạt
66	CH0071	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/8/2001	Đắk Lắk	6,00	7,00	Đạt
67	CH0072	Lê Nguyễn Như Huyền	21/10/2001	Đà Nẵng	8,00	10,00	Đạt
68	CH0073	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	19/9/2001	Quảng Ngãi	8,00	6,50	Đạt
69	CH0074	Hoàng Thị Ngọc Huyền	26/3/2001	Đắk Lắk	7,67	5,50	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
70	CH0076	Nguyễn Thị Hương	03/5/2001	Hà Tĩnh	6,33	6,00	Đạt
71	CH0077	Đặng Diệu Hương	03/5/2002	Đà Nẵng	7,33	10,00	Đạt
72	CH0078	Đỗ Thị Thanh Hường	23/01/2001	Đà Nẵng	8,00	6,50	Đạt
73	CH0079	Nguyễn Trần Phương Khanh	09/11/2002	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
74	CH0080	Nguyễn Anh Khoa	22/9/2002	Quảng Ngãi	8,33	9,00	Đạt
75	CH0081	Huỳnh Thị Kim Lành	04/12/2002	Quảng Ngãi	6,00	5,50	Đạt
76	CH0082	Alăng Thị Mai Lê	26/01/2001	Quảng Nam	8,33	6,00	Đạt
77	CH0084	Nguyễn Thị Hồng Liên	01/8/1998	Đà Nẵng	5,00	5,50	Đạt
78	CH0085	Hồ Thị Thanh Liên	12/4/2001	Đà Nẵng	6,67	7,00	Đạt
79	CH0086	Ngô Thị Kiều Liên	09/8/2003	Đà Nẵng	5,33	5,00	Đạt
80	CH0088	Nguyễn Thị Tài Linh	19/5/2002	Kon Tum	6,00	9,00	Đạt
81	CH0089	Hoàng Thị Linh	05/7/2002	Đà Nẵng	9,67	10,00	Đạt
82	CH0090	Trần Thảo Linh	02/11/2002	Nghệ An	7,33	9,50	Đạt
83	CH0092	Trần Thị Linh	23/4/2003	Quảng Ngãi	7,33	7,50	Đạt
84	CH0093	Hà Thị Yến Linh	10/5/2001	Đồng Nai	9,33	9,50	Đạt
85	CH0094	Trần Thị Hoài Linh	20/11/2001	Quảng Nam	8,00	10,00	Đạt
86	CH0095	Võ Đức Luân	16/3/2001	Đà Nẵng	6,67	9,50	Đạt
87	CH0097	Nguyễn Thị Ngọc Ly	05/5/2002	Quảng Nam	8,67	8,00	Đạt
88	CH0098	Huỳnh Khánh Ly	23/6/2002	Đà Nẵng	6,33	5,00	Đạt
89	CH0099	Đình Ngô Thảo Ly	06/4/2002	Đà Nẵng	7,33	6,00	Đạt
90	CH0100	Lưu Thị Hồng Ly	01/6/2001	Bình Định	8,00	5,50	Đạt
91	CH0101	Nguyễn Trần Thị Mai Ly	23/8/2001	Quảng Nam	7,67	10,00	Đạt
92	CH0102	Võ Thị Hoài Ly	01/12/2002	Quảng Nam	7,67	6,00	Đạt
93	CH0103	Lưu Thị Ngọc Mai	19/01/2002	Quảng Bình	6,00	8,50	Đạt
94	CH0104	Alăng Thị Me	10/10/2002	Quảng Nam	6,33	10,00	Đạt
95	CH0105	Hồ Văn Minh	19/01/2000	Thừa Thiên - Huế	8,00	9,00	Đạt
96	CH0106	Trương Thanh Minh	11/5/2000	Quảng Nam	7,33	10,00	Đạt
97	CH0107	Lê Thị Trà My	24/8/2001	Đà Nẵng	9,67	10,00	Đạt
98	CH0108	Nguyễn Thị Hạ My	26/5/2002	Quảng Nam	8,33	10,00	Đạt
99	CH0109	Nguyễn Thị Thùy Mỹ	14/7/2002	Đà Nẵng	7,00	9,50	Đạt
100	CH0110	Lê Li Na	28/8/2002	Quảng Nam	7,33	6,00	Đạt
101	CH0112	Lê Trà Ngân	06/01/1995	Đà Nẵng	10,00	10,00	Đạt
102	CH0113	Dương Thị Ngân	11/12/2002	Quảng Bình	8,33	10,00	Đạt
103	CH0114	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/5/2001	Quảng Nam	5,67	10,00	Đạt
104	CH0115	Huỳnh Trần Anh Nghĩa	29/8/2001	Đà Nẵng	7,67	10,00	Đạt
105	CH0116	Trần Thị Hồng Ngọc	17/5/2000	Bình Phước	8,00	10,00	Đạt
106	CH0118	Ngô Thị Thu Nguyệt	15/3/2003	Đà Nẵng	7,33	10,00	Đạt
107	CH0119	Nguyễn Phạm Minh Nguyệt	09/9/2001	Quảng Nam	6,00	10,00	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
108	CH0120	Huỳnh Hoài Nhân	05/01/2002	Đà Nẵng	6,00	9,00	Đạt
109	CH0121	Nguyễn Đắc Thiện Nhân	31/10/2000	Quảng Nam	7,67	9,50	Đạt
110	CH0122	Lê Thị Nhân	15/11/2001	Quảng Nam	6,67	8,00	Đạt
111	CH0123	Hoàng Nguyễn Tuệ Nhi	22/9/2002	Đà Nẵng	8,33	9,00	Đạt
112	CH0124	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/01/2002	Quảng Trị	8,00	9,00	Đạt
113	CH0125	Ksor H' Nhi	19/11/2001	Gia Lai	7,33	9,00	Đạt
114	CH0126	Trần Thị Lệ Nhi	24/8/2002	Quảng Nam	7,00	9,50	Đạt
115	CH0127	Lê Thị Ý Nhi	23/5/2001	Quảng Nam	8,67	10,00	Đạt
116	CH0128	Nguyễn Mai Quỳnh Nhi	11/6/2002	Đà Nẵng	6,33	10,00	Đạt
117	CH0129	Đinh Thị Uyên Nhi	21/6/2002	Đà Nẵng	7,00	10,00	Đạt
118	CH0130	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	02/4/2001	Thừa Thiên - Huế	5,33	9,50	Đạt
119	CH0131	Trần Bích Ái Nhi	26/02/1999	Đà Nẵng	6,67	5,50	Đạt
120	CH0132	Ngô Đỗ Yến Nhi	13/6/2002	Quảng Nam	8,00	8,50	Đạt
121	CH0133	Lê Cẩm Nhung	29/8/2002	Hà Tĩnh	7,67	10,00	Đạt
122	CH0134	Trần Thị Mỹ Nhung	03/9/2002	Đà Nẵng	7,67	10,00	Đạt
123	CH0135	Nguyễn Quỳnh Như	22/8/2001	Đắk Lắk	8,33	10,00	Đạt
124	CH0136	Phan Thị Quỳnh Như	02/11/2001	Nghệ An	5,67	8,00	Đạt
125	CH0137	Nguyễn Quỳnh Như	09/7/2001	Gia Lai	6,33	5,00	Đạt
126	CH0138	Siu Nik	23/9/2000	Gia Lai	8,00	8,50	Đạt
127	CH0139	Nguyễn Thị Nở	03/3/2001	Bình Định	7,67	10,00	Đạt
128	CH0140	Đinh Thị Kiều Oanh	12/3/2002	Quảng Nam	6,00	9,00	Đạt
129	CH0141	Ung Thị Thu Phước	24/02/2002	Quảng Nam	8,00	9,50	Đạt
130	CH0142	Coor Thị Phương	07/01/2001	Quảng Nam	8,00	5,00	Đạt
131	CH0143	Đặng Thị Thu Phương	30/8/2001	Quảng Nam	7,33	9,00	Đạt
132	CH0144	Nguyễn Thị Bích Phương	02/6/2002	Nghệ An	6,00	9,00	Đạt
133	CH0145	Huỳnh Thu Phương	12/5/2002	Gia Lai	7,00	5,00	Đạt
134	CH0146	Vũ Thị Phương	05/5/2001	Thanh Hóa	8,00	8,50	Đạt
135	CH0147	Nguyễn Thị Anh Phương	26/11/2002	Đà Nẵng	6,67	8,50	Đạt
136	CH0148	Nguyễn Thị Phương	21/3/2001	Hà Tĩnh	8,33	9,00	Đạt
137	CH0149	Võ Thị Phương	10/10/1998	Quảng Ngãi	8,67	9,50	Đạt
138	CH0150	Bùi Văn Quy	28/9/2001	Đà Nẵng	8,00	9,50	Đạt
139	CH0151	Mai Như Đoàn Quyên	06/8/2002	Đà Nẵng	7,67	5,50	Đạt
140	CH0152	Trần Hạ Quyên	12/9/2001	Hồ Chí Minh	7,67	8,50	Đạt
141	CH0153	Ksor H' Quyên	04/6/2002	Gia Lai	6,67	9,00	Đạt
142	CH0154	Nguyễn Hoàng Quyên	14/9/2000	Đà Nẵng	9,33	9,50	Đạt
143	CH0155	Hồ Thị Khánh Quỳnh	19/7/2002	Đà Nẵng	8,00	9,50	Đạt
144	CH0156	Hồ Nguyễn Ngọc Quỳnh	15/8/2001	Đà Nẵng	7,67	9,00	Đạt
145	CH0157	Phạm Thị Như Quỳnh	20/9/2002	Quảng Ngãi	7,33	9,00	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
146	CH0158	Phan Ngô Như Quỳnh	06/6/2001	Đà Nẵng	7,00	9,50	Đạt
147	CH0159	Nguyễn Diễm Quỳnh	24/7/1999	Khánh Hòa	8,33	9,50	Đạt
148	CH0160	Nguyễn Thị Mí Sa	17/10/2001	Đà Nẵng	7,00	5,00	Đạt
149	CH0161	Nguyễn Duy Sơn	23/12/2001	Đắk Lắk	10,00	9,50	Đạt
150	CH0162	Trần Thị Thảo Sương	02/02/2001	Đà Nẵng	5,67	8,00	Đạt
151	CH0163	Nguyễn Xuân Tài	20/4/2001	Nghệ An	9,00	5,00	Đạt
152	CH0165	Hà Nguyễn Minh Tân	16/8/2003	Bình Định	9,33	9,00	Đạt
153	CH0166	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	12/7/1999	Quảng Nam	7,00	6,00	Đạt
154	CH0169	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/5/2002	Đắk Lắk	6,00	7,50	Đạt
155	CH0170	Lương Phương Thảo	09/7/2002	Thanh Hóa	8,67	10,00	Đạt
156	CH0171	Nguyễn Thị Yên Thảo	10/8/2002	Nghệ An	7,33	8,50	Đạt
157	CH0172	Lê Thị Bích Thảo	06/3/2001	Đà Nẵng	6,00	8,00	Đạt
158	CH0173	Nguyễn Đoàn Thu Thảo	10/4/2002	Quảng Ngãi	6,67	9,00	Đạt
159	CH0174	Nguyễn Thị Thắng	01/7/1999	Thanh Hóa	7,00	6,50	Đạt
160	CH0175	Nguyễn Hữu Ngọc Thắng	29/3/2002	Đà Nẵng	6,67	8,50	Đạt
161	CH0176	Vũ Như Thiên	07/5/2000	Ninh Thuận	9,33	9,00	Đạt
162	CH0177	Nguyễn Thị Thơ	30/3/2002	Hà Tĩnh	9,33	8,00	Đạt
163	CH0178	Đỗ Thị Thơm	08/4/2001	Quảng Nam	8,00	8,00	Đạt
164	CH0179	Nguyễn Thị Nguyệt Thu	14/01/2002	Quảng Nam	7,67	7,50	Đạt
165	CH0180	Nguyễn Thị Thuận	26/02/2002	Kon Tum	7,33	8,00	Đạt
166	CH0181	Trần Phước Thuận	09/02/1999	Đà Nẵng	9,33	7,50	Đạt
167	CH0182	Nguyễn Thanh Thúy	19/8/2003	Gia Lai	6,67	7,50	Đạt
168	CH0183	Phạm Thị Minh Thùy	22/01/2001	Quảng Bình	7,67	9,00	Đạt
169	CH0184	Nguyễn Thái Thanh Thùy	10/12/2001	Kon Tum	8,00	9,00	Đạt
170	CH0185	Trần Thị Bích Thùy	13/5/2001	Đà Nẵng	6,33	7,50	Đạt
171	CH0186	Trương Thị Thu Thủy	07/8/2001	Quảng Trị	5,67	8,50	Đạt
172	CH0188	Phạm Thị Thuyền	21/9/2000	Quảng Nam	6,00	6,00	Đạt
173	CH0189	Đặng Ngọc Thư	16/10/2001	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
174	CH0190	Đông Hồng Anh Thư	30/6/2001	Gia Lai	7,33	7,00	Đạt
175	CH0191	Phan Thị Ánh Thư	15/01/2001	Đà Nẵng	8,33	8,00	Đạt
176	CH0192	Nguyễn Ái Thư	15/12/2002	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
177	CH0193	Hứa Thị Minh Thư	21/4/2002	Quảng Nam	5,67	6,00	Đạt
178	CH0194	Nguyễn Hoàng Anh Thư	02/02/2000	Quảng Nam	7,33	6,00	Đạt
179	CH0195	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/7/2001	Hà Tĩnh	7,67	7,00	Đạt
180	CH0196	Nguyễn Thị Thương	20/9/2002	Nghệ An	7,33	7,50	Đạt
181	CH0197	Nguyễn Thị Thương	04/02/2002	Quảng Nam	6,00	6,50	Đạt
182	CH0198	Trần Thị Thương	05/3/2001	Quảng Nam	6,00	9,00	Đạt
183	CH0199	Nguyễn Ngọc Hương Tiên	13/9/2002	Đà Nẵng	7,33	9,50	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
184	CH0200	Hồ Thị Quý Tiên	14/10/2001	Đà Nẵng	8,00	9,50	Đạt
185	CH0201	Chương Thị Cẩm Tiên	01/5/2001	Đà Nẵng	8,00	7,00	Đạt
186	CH0202	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	19/8/2002	Đà Nẵng	5,67	7,00	Đạt
187	CH0203	Nguyễn Quỳnh Trang	14/12/2002	Nghệ An	6,67	7,00	Đạt
188	CH0204	Nguyễn Hồ Thiên Trang	23/8/2002	Hà Tĩnh	9,00	8,00	Đạt
189	CH0205	Nguyễn Lê Ngọc Thùy Trang	30/3/2002	Hồ Chí Minh	6,33	5,00	Đạt
190	CH0206	Phan Thị Kiều Trang	24/11/2002	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
191	CH0207	Bùi Thị Thùy Trang	02/02/2002	Quảng Bình	8,00	5,00	Đạt
192	CH0208	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/11/2002	Quảng Nam	7,00	6,00	Đạt
193	CH0209	Võ Thị Thùy Trang	22/6/2001	Gia Lai	7,33	5,00	Đạt
194	CH0210	Lê Thu Trang	08/3/2001	Thanh Hóa	6,33	7,00	Đạt
195	CH0211	Nguyễn Huỳnh Kiều Trang	27/9/2001	Đà Nẵng	6,67	9,00	Đạt
196	CH0212	Phạm Thị Huyền Trâm	15/8/2001	Hà Tĩnh	7,00	8,50	Đạt
197	CH0213	Huỳnh Thị Mỹ Trâm	24/8/2001	Quảng Nam	9,67	9,50	Đạt
198	CH0214	Nguyễn Thị Huyền Trâm	05/10/2002	Đà Nẵng	5,67	5,00	Đạt
199	CH0215	Võ Thị Thu Trâm	20/11/2001	Gia Lai	5,33	7,00	Đạt
200	CH0216	Trần Thị Lệ Trâm	22/3/2001	Đà Nẵng	8,33	8,00	Đạt
201	CH0217	Nguyễn Thị Huyền Trâm	02/02/2001	Đà Nẵng	8,33	7,00	Đạt
202	CH0218	Hứa Bội Trân	26/10/1984	Đà Nẵng	9,33	8,50	Đạt
203	CH0219	Nguyễn Thị Thùy Trinh	09/6/2001	Đà Nẵng	8,67	8,00	Đạt
204	CH0220	Đặng Thị Lan Trinh	20/11/2002	Đà Nẵng	8,00	9,00	Đạt
205	CH0221	Hồ Thị Ngọc Trinh	29/6/2002	Đà Nẵng	7,00	7,00	Đạt
206	CH0222	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15/4/2002	Bình Định	6,33	6,00	Đạt
207	CH0223	Đỗ Trường Trung	10/12/2003	Đắk Lắk	7,67	9,00	Đạt
208	CH0224	Đình Nguyên Tú	07/6/1999	Quảng Nam	8,00	8,00	Đạt
209	CH0225	Y - Tuế	18/6/2001	Kon Tum	9,67	9,00	Đạt
210	CH0226	Phan Nguyễn Thanh Tuyền	22/6/2001	Quảng Ngãi	7,33	8,50	Đạt
211	CH0227	Trương Ánh Tuyết	22/10/2002	Đắk Lắk	6,00	8,00	Đạt
212	CH0228	Nguyễn Tấn Tường	28/12/2001	Quảng Nam	7,67	8,00	Đạt
213	CH0229	Nguyễn Ngọc Mỹ Uyên	26/02/2001	Đà Nẵng	8,00	8,50	Đạt
214	CH0230	Tôn Thái Phương Uyên	29/11/2002	Đà Nẵng	7,33	8,50	Đạt
215	CH0231	Lê Bảo Ngọc Uyên	25/3/2002	Gia Lai	7,33	8,50	Đạt
216	CH0232	Nguyễn Thị Hạ Uyên	09/9/2002	Đà Nẵng	7,33	9,50	Đạt
217	CH0233	Lê Thị Thảo Uyên	16/5/2000	Đà Nẵng	8,33	9,50	Đạt
218	CH0234	Đình Tú Uyên	05/02/2001	Quảng Nam	9,00	10,00	Đạt
219	CH0235	Trần Thị Lam Uyên	23/11/2001	Đà Nẵng	8,33	7,50	Đạt
220	CH0236	Ngô Thị Thục Uyên	06/02/2000	Đà Nẵng	9,00	9,00	Đạt
221	CH0237	Lê Thị Tú Uyên	09/10/2001	Quảng Nam	7,33	8,00	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả
222	CH0238	Lê Tố Uyên	20/11/2002	Quảng Nam	6,33	5,00	Đạt
223	CH0239	Lê Thị Tường Vân	24/7/2002	Hà Tĩnh	9,00	7,50	Đạt
224	CH0240	Đặng Thị Thảo Vân	22/02/2001	Đắk Lắk	8,67	5,00	Đạt
225	CH0241	Trần Thị Bích Vân	24/10/2002	Đà Nẵng	6,67	8,00	Đạt
226	CH0242	Hoàng Yến Vi	06/02/2001	Đà Nẵng	7,00	6,50	Đạt
227	CH0243	Nguyễn Thị Tường Vi	23/01/2002	Quảng Nam	8,33	9,00	Đạt
228	CH0244	Hà Hiền Vi	03/8/2001	Bình Định	8,33	5,00	Đạt
229	CH0246	Nguyễn Xuân Việt	22/3/1992	Khánh Hòa	7,33	8,00	Đạt
230	CH0247	Nguyễn Thành Vinh	17/10/2000	Thanh Hóa	8,00	5,50	Đạt
231	CH0248	Phạm Ngọc Vũ	28/3/2001	Đà Nẵng	8,00	5,50	Đạt
232	CH0249	Đông Đắc Vũ	06/11/2002	Quảng Nam	10,00	9,50	Đạt
233	CH0250	Trần Thị Thảo Vy	18/5/2001	Quảng Trị	7,67	9,00	Đạt
234	CH0251	Lê Thị Thuỳ Vy	12/01/2003	Bình Định	8,33	8,00	Đạt
235	CH0253	Phùng Thị Xuân Yên	21/01/2001	Đà Nẵng	7,67	9,00	Đạt
236	CH0256	Nguyễn Thị Yên	22/11/2001	Gia Lai	7,67	7,50	Đạt
237	CH0257	Nguyễn Thị Mỹ Yên	01/9/2001	Quảng Nam	9,00	9,50	Đạt
238	CH0258	Trần Minh Yên	07/6/2001	Đà Nẵng	9,67	9,50	Đạt
239	CH0259	Nguyễn Thị Kim Yên	27/01/2001	Quảng Nam	8,00	8,00	Đạt
240	CH0260	Nguyễn Thị Bảo Yên	12/12/1999	Quảng Nam	8,67	9,00	Đạt

Ấn định danh sách này có 240 (Hai trăm bốn mươi) thí sinh.

GIÁM ĐỐC



TS. Đặng Hùng Vĩ